

TÍNH NGUYÊN BẢN CỦA THỔ CẨM TRUYỀN THỐNG TRONG BỐI CẢNH DU LỊCH CỘNG ĐỒNG TẠI ĐIỂM ĐẾN MAI CHÂU, TỈNH PHÚ THỌ

Hoàng Thị Thúy¹, Phạm Thu Hiền², Lại Thu Trang³, An Khánh Linh⁴, Nguyễn Minh Ánh⁵
và Hoàng Thị Thu Hương^{*6}

Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội, Việt Nam

**Tác giả liên hệ: Hoàng Thị Thu Hương, e-mail: huonghtt@hus.edu.vn*

Ngày nhận bài: 10/4/2026. Ngày sửa bài: 30/5/2026. Ngày nhận đăng: 30/6/2026.

Tóm tắt. Nghiên cứu này phân tích mối quan hệ giữa tính nguyên bản và tính thương mại của nghề dệt thổ cẩm truyền thống trong bối cảnh phát triển du lịch cộng đồng tại điểm đến Mai Châu, tỉnh Phú Thọ thông qua các phương pháp thu thập và phân tích tài liệu, khảo sát thực địa, điều tra xã hội học và điền dã dân tộc học. Dữ liệu được thu thập từ quan sát thực tế, phỏng vấn bằng bảng hỏi với 206 đối tượng gồm nghệ nhân, người dân, doanh nghiệp, chính quyền địa phương và khách du lịch, sau đó được xử lý bằng phương pháp thống kê trên phần mềm Excel. Kết quả nghiên cứu cho thấy nghề dệt thổ cẩm tại Bản Lác và Hang Kia vẫn được duy trì nhưng chịu tác động khác nhau của du lịch và thương mại hóa: Bản Lác có thị trường tiêu thụ tốt hơn nhưng sản phẩm có xu hướng biến đổi về chất liệu, màu sắc và hoa văn, trong khi Hang Kia giữ được nhiều yếu tố truyền thống hơn nhưng gặp khó khăn về đầu ra và nguy cơ mai một nghề do thiếu động lực kinh tế. Từ kết quả nghiên cứu, bài báo đề xuất một số giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị thổ cẩm truyền thống trong phát triển du lịch cộng đồng.

Từ khóa: thổ cẩm truyền thống, tính nguyên bản, thương mại hóa, du lịch, Mai Châu.

THE AUTHENTICITY OF TRADITIONAL BROCADE IN THE CONTEXT OF COMMUNITY-BASED TOURISM IN MAI CHAU DESTINATION, PHU THO PROVINCE, VIETNAM

Hoang Thi Thuy¹, Pham Thu Hien², Lai Thu Trang³, An Khanh Linh⁴, Nguyen Minh Anh⁵
and Hoang Thi Thu Huong^{*6}

VNU-University of Science, Vietnam National University Hanoi, Vietnam

**Corresponding author: Hoang Thi Thu Huong, e-mail: huonghtt@hus.edu.vn*

Received April 10, 2026. Revised May 30, 2026. Accepted June 30, 2026.

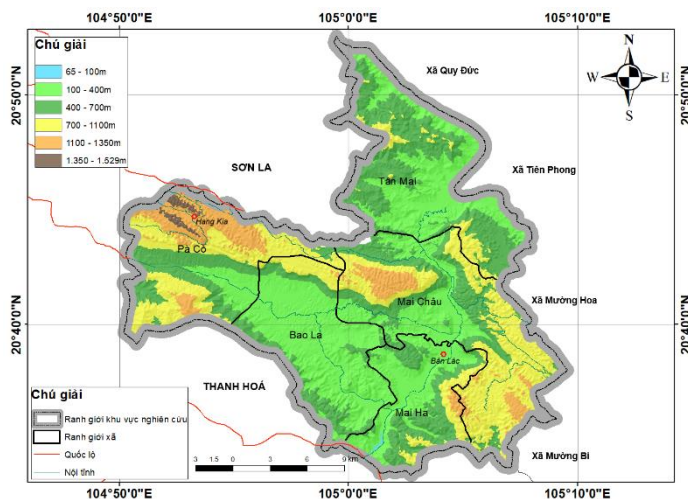
Abstract. This study analyzes the relationship between authenticity and commercialization of traditional brocade weaving in the context of tourism development in Mai Chau using methods such as literature review and analysis, field surveys, sociological investigation, and ethnographic fieldwork. Data were collected through observations, interviews, and questionnaires with 206 respondents, including artisans, local residents, business owners, local authorities, and tourists, and were then processed using statistical analysis with Excel software. The results show that brocade weaving in Lac Village and Hang Kia is still maintained but is affected differently by tourism and commercialization. In Lac Village, tourism has expanded the market and increased income, but brocade products tend to change in materials, colors, and patterns. Meanwhile, Hang Kia retains more traditional elements but faces difficulties in market access and the risk of decline due to limited economic incentives. Based on these findings, the study proposes several solutions to preserve and promote the value of brocade within community-based tourism development.

Keywords: traditional brocade, authenticity, commercialization, tourism, Mai Chau.

1. Mở đầu

Trong bối cảnh phát triển du lịch cộng đồng tại các vùng dân tộc thiểu số ở Việt Nam, nhiều nghề thủ công truyền thống đã trở thành sản phẩm phục vụ du lịch, góp phần quảng bá bản sắc văn hóa và tạo sinh kế cho người dân địa phương. Tuy nhiên, quá trình thương mại hóa các sản phẩm thủ công cũng đặt ra nhiều vấn đề liên quan đến việc bảo tồn giá trị văn hóa và duy trì tính nguyên bản của các sản phẩm truyền thống.

Mai Châu là một điểm đến du lịch nổi tiếng của tỉnh Phú Thọ với cảnh quan thiên nhiên yên bình và có nền văn hoá đa dạng với 7 dân tộc cùng chung sống, trong đó dân tộc Thái chiếm đa số khoảng 60%, người Mường và người Kinh (11%), người H'Mông (9,6%), người Dao (2,2%), còn lại là các dân tộc khác (Trung tâm Thông tin du lịch huyện Mai Châu, 2024). Trong quá trình phát triển du lịch cộng đồng, nhiều bản làng đã trở thành điểm tham quan hấp dẫn, tiêu biểu như Bản Lác (xã Mai Hạ) với nghề dệt thổ cẩm truyền thống của người Thái. Cách đó không xa, Hang Kia (xã Pà Cò) là một thôn vùng cao với cảnh quan thiên nhiên còn khá nguyên sơ, khí hậu mát mẻ và bản sắc văn hóa đặc trưng của cộng đồng người H'Mông (Hình 1); tại đây vẫn duy trì các nghề thủ công truyền thống như vẽ sáp ong trên vải lanh và nhuộm chàm góp phần tạo nên sự phong phú về văn hóa thủ công trong không gian du lịch cộng đồng Mai Châu. Những nghề thủ công này không chỉ mang lại giá trị văn hóa đặc sắc mà còn góp phần tạo ra sinh kế cho người dân địa phương thông qua hoạt động du lịch cộng đồng.



Hình 1. Bản đồ địa hình khu vực nghiên cứu

Sự phát triển của du lịch và nhu cầu thị trường đã khiến các sản phẩm thổ cẩm dần trở thành hàng hóa phục vụ du khách, kéo theo những thay đổi về chất liệu, mẫu mã, kỹ thuật và hoa văn, từ đó có thể làm suy giảm một phần tính nguyên bản của sản phẩm truyền thống (Nguyễn, 2020; Nguyễn, 2023). Nhiều sản phẩm được cải biến để phù hợp với thị hiếu của du khách như thay đổi kích thước, màu sắc, hoặc công năng sử dụng, đồng thời quá trình sản xuất cũng có xu hướng đơn giản hóa nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu thụ nhanh của thị trường. Điều này vừa tạo cơ hội mở rộng thị trường và tăng thu nhập cho người dân địa phương, nhưng cũng đặt ra thách thức trong việc duy trì các giá trị văn hóa truyền thống gắn với nghề dệt thổ cẩm (Nguyễn, 2023).

Các nghiên cứu trước đây về khu vực miền núi phía Bắc nói chung và Bản Lác, Hang Kia nói riêng phần lớn tập trung vào du lịch cộng đồng bền vững, tiềm năng phát triển du lịch và bảo tồn giá trị văn hóa (Dao et al., 2025; Khuc et al., 2026; Ngô & Hoàng, 2022; Nguyễn, 2012; Tran & Nguyen, 2026). Tuy cung cấp cơ sở quan trọng về văn hóa địa phương và vai trò của du lịch, các nghiên cứu này chủ yếu tiếp cận ở góc độ tổng thể, chưa phân tích sâu sự biến đổi của các sản phẩm thủ công truyền thống trong bối cảnh thương mại hóa gắn với phát triển du lịch. Đồng thời chưa có sự đối sánh giữa các nhóm dân tộc khác nhau nhằm nhận diện mức độ và xu hướng biến đổi dưới tác động của du lịch. Từ khoảng trống này, nghiên cứu tập trung phân tích mối quan hệ giữa tính nguyên bản và tính thương mại của nghề dệt thổ cẩm truyền thống trong bối cảnh phát triển du lịch cộng đồng tại Bản Lác và Hang Kia. Qua đó, có thể góp phần làm rõ các quá trình biến đổi của nghề thủ công truyền thống, đồng thời đề xuất các định hướng bảo tồn và phát triển phù hợp trong điều kiện hiện nay.

2. Cơ sở lý luận và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận

Trong nghiên cứu du lịch, “tính nguyên bản” (authenticity) và “thương mại hóa” (commodification) là hai khái niệm trung tâm thường được xem xét trong mối quan hệ vừa bổ trợ vừa xung đột. Theo MacCannell (1973, tr.590), tính nguyên bản trong du lịch phản ánh mong muốn của du khách được tiếp cận với những giá trị văn hóa “đích thực” của cộng đồng bản địa. Tuy nhiên, trong bối cảnh phát triển du lịch, các yếu tố văn hóa này thường được “dàn dựng” (staged authenticity) nhằm đáp ứng kì vọng của khách. Tiếp cận này được mở rộng bởi Cohen (1988, tr.373-379), khi ông phân biệt nhiều dạng thức nguyên bản khác nhau, từ nguyên bản khách quan đến nguyên bản mang tính xây dựng xã hội và trải nghiệm, cho thấy tính nguyên bản không phải là giá trị cố định mà có thể được kiến tạo thông qua tương tác giữa du khách và điểm đến.

Ở chiều ngược lại, thương mại hóa được hiểu là quá trình chuyển đổi các giá trị văn hóa, tập quán và sản phẩm truyền thống thành hàng hóa phục vụ thị trường du lịch. Theo Graburn (1976, tr.11-15), thương mại hóa có thể góp phần bảo tồn văn hóa khi tạo ra sinh kế và động lực duy trì nghề truyền thống, nhưng đồng thời cũng tiềm ẩn nguy cơ làm biến đổi ý nghĩa nguyên gốc của các thực hành văn hóa. Quan điểm này được củng cố bởi Bruner (1994, tr.406), khi ông cho rằng các sản phẩm văn hóa trong du lịch thường bị tái cấu trúc để phù hợp với thị hiếu thị trường, dẫn đến sự “lai ghép” giữa yếu tố truyền thống và hiện đại.

Như vậy, trong bối cảnh du lịch cộng đồng, tính nguyên bản và thương mại hóa không tồn tại tách rời mà tương tác lẫn nhau. Việc cân bằng giữa bảo tồn giá trị văn hóa đích thực và khai thác kinh tế từ du lịch trở thành vấn đề cốt lõi, đòi hỏi cách tiếp cận linh hoạt nhằm vừa đảm bảo tính hấp dẫn đối với du khách, vừa duy trì bản sắc văn hóa của cộng đồng địa phương.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

2.2.1. Phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu

Nghiên cứu sử dụng phương pháp tổng hợp và phân tích tài liệu để xây dựng cơ sở lý luận và thực tiễn. Nguồn tài liệu bao gồm sách chuyên khảo, bài báo khoa học, luận văn, số liệu thống kê, văn bản chính sách và sổ bán hàng của một số cơ sở kinh doanh thổ cẩm nhằm phân tích điều kiện phát triển du lịch cộng đồng, đặc điểm sản phẩm và thị trường tiêu thụ. Đồng thời, nghiên cứu tổng hợp các công trình về nghề dệt thổ cẩm, bảo tồn nghề truyền thống, sinh kế cộng đồng và du lịch, kết hợp vận dụng các lý thuyết về tính nguyên bản và thương mại hóa văn hóa để phân tích sự biến đổi của nghề dệt trong bối cảnh phát triển du lịch cộng đồng.

2.2.2. Phương pháp khảo sát thực địa, điều tra xã hội học, điền dã dân tộc học

Nghiên cứu được thực hiện tại hai điểm du lịch cộng đồng của tỉnh Phú Thọ là Hang Kia (xã Pà Cò) và Bản Lác (xã Mai Hạ), đại diện cho hai cộng đồng dân tộc H'Mông và Thái với mức độ phát triển du lịch khác nhau. Hang Kia phát triển du lịch từ năm 2017, phản ánh giai đoạn đầu của quá trình chuyển đổi nghề dệt; trong khi Bản Lác phát triển du lịch từ khoảng năm 1980, phù hợp nghiên cứu xu hướng thương mại hóa thổ cẩm.

Nghiên cứu sử dụng phương pháp quan sát kết hợp phỏng vấn sâu và điều tra bằng phiếu hỏi đối với các nhóm: nghệ nhân, người dân, doanh nghiệp, hợp tác xã, chính quyền địa phương và khách du lịch. Nội dung khảo sát tập trung vào đặc điểm nhân khẩu học, quy trình sản xuất, kỹ thuật dệt, sự thay đổi mẫu mã, vai trò của thổ cẩm trong phát triển du lịch, nhu cầu thị trường, hoạt động bảo tồn và cảm nhận của khách du lịch đối với sản phẩm thổ cẩm. Mẫu điều tra được chọn theo phương pháp có chủ đích kết hợp phân tầng, với tổng cộng 206 đối tượng, gồm 125 đại diện cộng đồng địa phương và 81 khách du lịch. Dữ liệu được thu thập trong các tháng 11/2025, 2 và 4/2026. – mùa cao điểm du lịch – nhằm đảm bảo tính đa dạng và độ tin cậy của thông tin.

Cỡ mẫu đối với người dân và khách du lịch được xác định theo khuyến nghị của Green (1991, tr.510), với số mẫu tối thiểu là 106 quan sát cho mô hình gồm 7 biến độc lập và 2 biến phụ thuộc. Để nâng cao độ tin cậy, nghiên cứu mở rộng khảo sát lên 153 phiếu đối với hai nhóm này. Dữ liệu

được thu thập bằng các thang đo danh nghĩa, nhị phân và Likert 5 mức.

Phòng vấn sâu được thực hiện theo nguyên tắc bảo hòa thông tin của Guest et al. (2006, tr.68-69), gồm 8 nghệ nhân, 12 chủ homestay và 4 đại diện chính quyền địa phương. Để bảo đảm đạo đức nghiên cứu và tính liên chính học thuật, trước khi phỏng vấn, người tham gia được cung cấp đầy đủ thông tin về nghiên cứu và xác nhận đồng thuận đối với việc ghi âm, chụp ảnh và sử dụng dữ liệu. Ngoài ra, nghiên cứu khảo sát 29 cơ sở kinh doanh thổ cẩm, gồm 26 cửa hàng tại Hang Kia và Bản Lác và 3 cửa hàng tại Hà Nội tham gia chuỗi cung ứng sản phẩm thổ cẩm của Mai Châu.

Bên cạnh phương pháp điều tra xã hội học, nhóm nghiên cứu còn áp dụng phương pháp điền dã dân tộc học để thu thập dữ liệu định tính chuyên sâu và tiếp cận quan điểm của “người trong cuộc”. Trong các đợt điền dã, nhóm nghiên cứu đã cùng ăn ở, tham gia sản xuất và sinh hoạt văn hoá với người dân địa phương để thấu hiểu sâu sắc văn hoá truyền thống của họ. Đề tài đã sử dụng nhóm tiêu chí để đánh giá sự thay đổi tính nguyên bản của thổ cẩm như: thay đổi chất liệu, màu sắc, hoa văn, công năng sử dụng, sản phẩm mới (Bảng 1) và bộ tiêu chí đánh giá tính thương mại như: mức độ gắn với du lịch, mức độ ổn định của đầu ra, đa dạng hóa nguyên liệu và chất liệu... (Bảng 2).

2.2.3. Phân tích thống kê

Các thông tin thu được từ phiếu khảo sát, sổ bán hàng được nhập liệu và hệ thống hóa theo từng nhóm đối tượng khảo sát, từng mặt hàng thổ cẩm, từng thị trường tiêu thụ,... nhằm đảm bảo tính chính xác và thuận lợi cho việc phân tích.

Kiểm định độ tin cậy Cronbach's Alpha là bước sàng lọc đầu tiên nhằm đánh giá tính thống nhất nội tại của các thang đo. Nghiên cứu chỉ giữ lại các biến có hệ số tương quan biến tổng (Corrected Item-Total Correlation) > 0.3 và hệ số Cronbach's Alpha của mỗi nhóm nhân tố > 0.7. Điều này đảm bảo các tiêu chí trong cùng một nhóm đều đo lường chung một khía cạnh của tính bền vững (Joseph et al., 2013).

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để xử lý dữ liệu bằng phần mềm Excel, qua đó tính toán các chỉ tiêu như tần suất, số lượng và tỉ lệ phần trăm của các biến khảo sát. Đồng thời chúng tôi cũng sử dụng kiểm định Chi-square để tìm ra sự khác biệt giữa Bản Lác và Hang Kia về việc thương mại hóa và bảo tồn nghề dệt thổ cẩm. Các kết quả phân tích này là cơ sở để đánh giá mối quan hệ giữa tính nguyên bản và tính thương mại của sản phẩm thổ cẩm trong hoạt động du lịch cộng đồng.

3. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

3.1. Thực trạng phát triển và biến đổi tính nguyên bản của thổ cẩm tại Hang Kia và Bản Lác

Kết quả khảo sát cho thấy nghề dệt thổ cẩm tại Hang Kia và Bản Lác vẫn được duy trì nhưng có mức độ phát triển khác nhau. Tại Bản Lác, nghề dệt gắn chặt với hoạt động du lịch cộng đồng và trở thành sản phẩm phục vụ khách du lịch. Thổ cẩm được bày bán phổ biến tại homestay, gian hàng lưu niệm và các điểm du lịch, tạo đầu ra tương đối ổn định cho người dân. Các sản phẩm như túi xách, khăn choàng, ví hay đồ trang trí được nhiều du khách lựa chọn làm quà lưu niệm. Trong bối cảnh đó, thổ cẩm không chỉ mang giá trị kinh tế mà còn góp phần duy trì bản sắc văn hóa của cộng đồng người Thái.

Trong khi đó, thổ cẩm của người H'Mông tại Hang Kia vẫn giữ được nhiều yếu tố truyền thống cả về kỹ thuật và ý nghĩa văn hóa. Nhiều công đoạn như trồng lanh, kéo sợi, dệt vải, vẽ sáp ong và nhuộm chàm vẫn được thực hiện thủ công. Do du lịch phát triển muộn và quy mô còn nhỏ, mức độ thương mại hóa thổ cẩm tại Hang Kia chưa cao, sản phẩm chủ yếu phục vụ nhu cầu trong cộng đồng và bán với quy mô hạn chế cho khách du lịch.

Kết quả khảo sát thực địa cho thấy sự suy giảm tính nguyên bản của thổ cẩm truyền thống không diễn ra ngẫu nhiên mà bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân đan xen dưới tác động của sự phát

triển xã hội. Trước hết, có thể khái quát ba nhóm nguyên nhân chính: (1) tác động của thị trường và quá trình thương mại hóa, đặc biệt dưới ảnh hưởng của du lịch; (2) sự thay đổi trong phương thức sản xuất nhằm tiết kiệm chi phí và thời gian; và (3) sự đứt gãy tương đối trong quá trình trao truyền tri thức truyền thống giữa các thế hệ. Trong đó, thương mại hóa gắn với phát triển du lịch là động lực quan trọng, thúc đẩy các biến đổi diễn ra nhanh và rõ rệt hơn. Một trong những biểu hiện dễ nhận thấy là *sự thay đổi về màu sắc*, gắn trực tiếp với yêu cầu thị trường. Thay vì sử dụng thuốc nhuộm tự nhiên từ cây chàm, vỏ cây hay thực vật địa phương - vốn đòi hỏi thời gian và kỹ thuật, nhiều sản phẩm hiện nay sử dụng màu công nghiệp để tạo độ tươi sáng, bắt mắt và tiết kiệm thời gian sản xuất. Kết quả khảo sát cho thấy phần lớn các hộ sản xuất đồ thổ cẩm ở Bản Lác sử dụng màu nhuộm công nghiệp (80,6%), tỉ lệ này cao hơn nhiều so với ở Hang Kia (50%) (Bảng 1). Chênh lệch 30,6 điểm phần trăm này cho thấy mức độ thay thế kỹ thuật truyền thống ở Bản Lác diễn ra mạnh hơn rõ rệt, qua đó củng cố nhận định rằng khu vực chịu tác động du lịch mạnh hơn có xu hướng thay đổi nhanh hơn về kỹ thuật sản xuất. Việc thay thế này tuy mang lại hiệu quả kinh tế nhưng đồng thời làm suy giảm tri thức bản địa gắn với quy trình nhuộm truyền thống.

Bên cạnh đó, *sự đơn giản hóa hoa văn* phản ánh rõ tác động của thương mại hóa. Có 68,7% người được khảo sát tại Bản Lác và 41,4% tại Hang Kia cho rằng hoa văn thổ cẩm hiện nay đã đơn giản hơn trước (Bảng 1), cho thấy xu hướng này phổ biến hơn ở khu vực du lịch phát triển. Nguyên nhân là các họa tiết truyền thống vốn cầu kì, tốn nhiều thời gian, trong khi thị trường ưu tiên sản phẩm giá rẻ, sản xuất nhanh, dẫn đến việc lược bỏ nhiều chi tiết mang ý nghĩa biểu tượng và làm giảm giá trị văn hóa của hoa văn.

Bảng 1. Những biểu hiện biến đổi của thổ cẩm truyền thống

TT	Biểu hiện biến đổi sản phẩm thổ cẩm	Hang Kia (n=58)	Bản Lác (n=67)
1	Thay đổi chất liệu vải so với trước	44,8%	73,1%
2	Sử dụng màu nhuộm công nghiệp	50,0%	80,6%
3	Hoa văn bị đơn giản hoá	41,4%	68,7%
4	Thay đổi công năng sử dụng sản phẩm	37,9%	65,7%
5	Xuất hiện sản phẩm mới (ví, túi, hộp bút,...) phục vụ du khách	53,4%	85,1%

Nguồn: Kết quả điều tra của các tác giả tháng 11/2025, 2/2026 và 4/2026

Ngoài ra, *sự thay đổi về chất liệu và công năng sử dụng* phản ánh rõ tác động của thị trường du lịch đối với thổ cẩm tại hai địa bàn nghiên cứu. Tỉ lệ thay đổi chất liệu ở Bản Lác (73,1%) cao hơn đáng kể so với Hang Kia (44,8%), tương tự với sự thay đổi công năng sử dụng (65,7% so với 37,9%). Kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa hai địa bàn nghiên cứu về tất cả các biểu hiện biến đổi thổ cẩm ($\chi^2 = 8,31-13,44$; $p < 0,01$). Tỉ lệ ghi nhận các biểu hiện biến đổi tại Bản Lác cao hơn đáng kể so với Pà Cò, phản ánh mức độ tác động của hoạt động du lịch và thương mại hóa sản phẩm thổ cẩm ở Bản Lác mạnh hơn so với Pà Cò. Tại Bản Lác, thổ cẩm đã chuyển mạnh từ phục vụ đời sống cộng đồng sang phục vụ du lịch, thể hiện qua sự phổ biến của các sản phẩm mới như ví, túi xách, khăn và đồ lưu niệm (85,1% so với 53,4% ở Hang Kia). Đây là biểu hiện rõ của quá trình thương mại hóa văn hóa.

So sánh hai địa bàn cho thấy hai xu hướng biến đổi khác nhau. Hang Kia thể hiện xu hướng “thích nghi có kiểm soát”, khi nhiều yếu tố truyền thống như nguyên liệu và kỹ thuật dệt thủ công vẫn được duy trì. Ngược lại, Bản Lác cho thấy mức độ thương mại hóa cao hơn với sự đa dạng hóa sản phẩm và phát triển các dịch vụ du lịch như cho thuê trang phục dân tộc. Điều này cho thấy mức độ phát triển du lịch có mối liên hệ chặt chẽ với sự biến đổi của nghề dệt thổ cẩm truyền thống.

3.2. Thương mại hoá và bảo tồn văn hoá

3.2.1. Sự khác biệt giữa Hang Kia và Bản Lác trong mối quan hệ giữa bảo tồn và thương mại hóa

So sánh hai địa điểm nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa bảo tồn và thương mại hóa không diễn ra theo cùng một cách thức ở mọi bối cảnh. Tại Bản Lác phản ánh khá rõ xu hướng “tồn tại nhờ thị trường nhưng cũng biến đổi vì thị trường”. Nhờ sự phát triển của du lịch, các sản phẩm thổ cẩm tại đây có đầu ra ổn định hơn, được bày bán tại các gian hàng lưu niệm, homestay và các điểm dừng chân trong bản. Điều này giúp nghề dệt tiếp tục tồn tại như một nguồn thu nhập bổ sung cho nhiều hộ gia đình. Kết quả khảo sát cho thấy tỉ lệ người được hỏi cho rằng nghề dệt thổ cẩm gắn kết chặt chẽ với du lịch và sản phẩm có đầu ra ổn định tại Bản Lác cao hơn so với Hang Kia (Bảng 2). Tuy nhiên, chính sự gắn kết chặt chẽ với thị trường du lịch cũng tạo ra những áp lực nhất định đối với việc duy trì tính nguyên bản của sản phẩm. Tỉ lệ người cho rằng tính nguyên bản của thổ cẩm được gìn giữ ở Bản Lác thấp hơn hẳn so với Hang Kia (34,3% so với 63,6%) (Bảng 2). Kiểm định Chi-square cho thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa Hang Kia và Bản Lác về các biểu hiện của tính thương mại trong sản xuất thổ cẩm ($\chi^2 = 8,12-11,64$; $p < 0,01$).

Bảng 2. Một số nhận xét về tính thương mại của nghề dệt thổ cẩm giữa Hang Kia và Bản Lác

TT	Nhận định	Tỉ lệ ý kiến đồng thuận	
		Hang Kia (n=58)	Bản Lác (n=67)
1	Nghề dệt thổ cẩm gắn kết chặt chẽ với hoạt động du lịch	62,1%	88,1%
2	Sản phẩm có đầu ra tương đối ổn định	48,3%	79,1%
3	Nguyên liệu và chất liệu sản xuất thổ cẩm rất đa dạng	55,2%	83,6%
4	Thường xuyên cải biến mẫu mã theo nhu cầu thị trường	51,7%	77,6%
5	Tính nguyên bản của thổ cẩm được gìn giữ	63,8%	34,3%

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả tháng 11/2025, 2/2026 và 4/2026

Trong khi đó, tại Hang Kia, do hoạt động du lịch chưa phát triển mạnh nên mức độ thương mại hóa của thổ cẩm vẫn còn hạn chế. Điều này phần nào giúp cộng đồng địa phương duy trì được một số yếu tố truyền thống rõ nét hơn, đặc biệt trong kỹ thuật chẻ tác và hệ thống hoa văn. Tuy nhiên, việc thiếu một thị trường tiêu thụ ổn định cũng khiến nghề dệt thổ cẩm khó trở thành nguồn sinh kế quan trọng đối với người dân. Trong bối cảnh đó, nhiều người trẻ trong cộng đồng có xu hướng lựa chọn những công việc khác có thu nhập ổn định hơn thay vì tiếp tục theo nghề truyền thống. Điều này phản ánh qua tỉ lệ lao động trẻ thường xuyên gắn bó với nghề dệt thổ cẩm ở Hang Kia thấp hơn so với Bản Lác (Bảng 3). Thực trạng có thể dẫn đến nguy cơ đứt gãy quá trình trao truyền nghề giữa các thế hệ, vốn là yếu tố quan trọng để duy trì sự tồn tại lâu dài của các nghề thủ công truyền thống. Sự khác biệt giữa hai địa điểm nghiên cứu cho thấy mối quan hệ giữa bảo tồn văn hóa và thương mại hóa mang tính hai chiều.

Bảng 3. Mức độ tham gia của lao động trẻ vào nghề dệt thổ cẩm tại Hang Kia và Bản Lác

STT	Mức độ tham gia	Hang Kia (n=58)	Bản Lác (n=67)
1	Tham gia thường xuyên, gắn bó với nghề	13,8%	17,9%
2	Tham gia ở mức tương đối, thỉnh thoảng	25,9%	29,9%
3	Tham gia hạn chế	36,2%	28,4%
4	Không tham gia	24,1%	23,8%

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả tháng 11/2025, 2/2026 và 4/2026

3.2.2. Tác động hai mặt của thương mại hóa và du lịch cộng đồng đối với thổ cẩm truyền thống

Kết quả nghiên cứu cho thấy thương mại hóa và du lịch cộng đồng góp phần duy trì nghề dệt thổ cẩm trong bối cảnh nhu cầu sử dụng trang phục truyền thống ngày càng giảm. Du lịch mở rộng thị trường tiêu thụ, tạo đầu ra cho sản phẩm, đặc biệt tại Bản Lác, qua đó nâng cao thu nhập và tạo việc làm cho người dân, nhất là phụ nữ – lực lượng giữ vai trò chính trong dệt và truyền nghề. Đồng thời, sự quan tâm của du khách đối với thổ cẩm góp phần nâng cao nhận thức của cộng đồng về giá trị văn hóa của nghề truyền thống, tạo động lực tiếp tục bảo tồn và phát triển nghề.

Bảng 4. Đánh giá của khách du lịch về mức độ hấp dẫn của nghề dệt thổ cẩm

STT	Mức độ đánh giá	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
1	Rất hấp dẫn	34	42
2	Hấp dẫn	29	35,8
3	Bình thường	16	19,6
4	Không hấp dẫn	2	2,6

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả tháng 11/2025, 2/2026 và 4/2026

Kết quả khảo sát về mức độ hấp dẫn của nghề dệt thổ cẩm đối với khách du lịch cho thấy phần lớn du khách đánh giá nghề dệt là một hoạt động văn hóa có sức hút nhất định. Cụ thể, có tới 42% khách du lịch cho rằng nghề dệt thổ cẩm “rất hấp dẫn” và 35,8% đánh giá là “hấp dẫn”, trong khi tỉ lệ cho rằng nghề dệt “không hấp dẫn” chỉ chiếm 2,6% (Bảng 4). Điều này cho thấy các hoạt động liên quan đến nghề dệt thổ cẩm có tiềm năng trở thành một yếu tố quan trọng trong trải nghiệm du lịch văn hóa tại địa phương.

Bảng 5. Tiêu chí ảnh hưởng đến quyết định lựa chọn sản phẩm thổ cẩm của khách du lịch

STT	Tiêu chí	Số lượng (N)	Tỉ lệ (%)
1	Giá cả phù hợp	46	56,8
2	Mẫu mã đẹp	52	64,2
3	Chất lượng sản phẩm tốt	41	50,6
4	Tính tiện dụng	33	40,7
5	Mang bản sắc văn hoá đặc trưng	48	59,3
6	Làm thủ công	29	35,8
7	Dễ mang làm quà	37	45,7

Nguồn: Kết quả điều tra của tác giả tháng 11/2025, 2/2026 và 4/2026

Bên cạnh đó, khảo sát về tiêu chí lựa chọn sản phẩm của khách du lịch cũng cho thấy nhiều yếu tố khác nhau ảnh hưởng đến quyết định mua sản phẩm thổ cẩm. Trong đó, các yếu tố được quan tâm nhiều nhất bao gồm mẫu mã đẹp (64,2%), mang bản sắc văn hóa đặc trưng (59,3%) và giá cả phù hợp (56,8%). Ngoài ra, các tiêu chí như chất lượng sản phẩm, tính tiện dụng và khả năng sử dụng làm quà lưu niệm cũng đóng vai trò quan trọng trong quá trình lựa chọn của du khách (Bảng 5). Những kết quả này cho thấy sản phẩm thổ cẩm không chỉ được nhìn nhận như một món hàng lưu niệm thông thường mà còn mang ý nghĩa đại diện cho bản sắc văn hóa của địa phương trong mắt du khách.

Tuy nhiên, thương mại hóa cũng làm bộc lộ nhiều hạn chế. Khi tham gia thị trường du lịch, thổ cẩm phải thích ứng với thị hiếu du khách thông qua việc thay đổi màu sắc, hoa văn, kích thước và công năng, làm giảm tính nguyên bản của sản phẩm. Những biến đổi này cho thấy du lịch cộng đồng không đồng nghĩa với bảo tồn văn hóa. Du lịch có thể giúp duy trì nghề dệt, nhưng các giá trị cốt lõi như hoa văn biểu tượng, kỹ thuật nhuộm và ý nghĩa văn hóa của trang phục có nguy cơ bị giản lược. Vì vậy, cần có giải pháp cân bằng giữa phát triển du lịch và bảo tồn giá trị văn hóa, nhằm duy trì bản sắc của nghề dệt thổ cẩm.

Kết quả nghiên cứu tại Hang Kia và Bản Lác cho thấy mức độ thương mại hóa nghề dệt thổ cẩm có mối liên hệ với sự phát triển của du lịch. Kết quả này phù hợp với quan điểm của Cohen (1988, tr.374) và Greenwood (1989, tr.165-168) về thương mại hóa văn hóa, theo đó các giá trị truyền thống được điều chỉnh để đáp ứng nhu cầu thị trường. Tương tự, các nghiên cứu tại Peru (Garcia, 2017, tr.3-5) và Guatemala (Salvador Almela & Abellan Calvet, 2020, tr. 101-105) cũng cho thấy du lịch thúc đẩy tiêu thụ sản phẩm dệt truyền thống nhưng đồng thời dẫn đến thay thế nguyên liệu tự nhiên, rút ngắn quy trình sản xuất và đơn giản hóa hoa văn.

Tuy nhiên, thương mại hóa không đồng nghĩa với sự mai một bản sắc văn hóa. Trường hợp Hang Kia cho thấy một mô hình phát triển mang tính thích nghi, trong đó nhiều công đoạn truyền thống như trồng lanh, kéo sợi, vẽ sáp ong và nhuộm chàm vẫn được duy trì. Kết quả này tương đồng với các nghiên cứu về nghề dệt của người H'Mông ở Hà Giang (Hoa et al., 2023, tr.9-10) và Sa Pa (Son, 1996), cho thấy những cộng đồng có mức độ gắn kết văn hóa cao và quy mô du lịch chưa quá lớn thường bảo tồn được nhiều yếu tố truyền thống hơn. Điều này cũng phù hợp với cách tiếp cận của UNESCO (2003, tr.2-3) về bảo tồn di sản văn hóa, nhấn mạnh vai trò của cộng đồng địa phương trong việc duy trì tri thức, kỹ năng và thực hành văn hóa truyền thống.

3.3. Một số giải pháp để bảo tồn và phát huy giá trị thổ cẩm trong phát triển du lịch cộng đồng

Kết quả nghiên cứu cho thấy trang phục truyền thống ở Mai Châu đang biến đổi dưới tác động của hiện đại hóa và phát triển du lịch. Sự thay đổi về nguyên liệu, kỹ thuật và hoa văn phản ánh khả năng thích ứng với nhu cầu thị trường nhưng cũng làm gia tăng nguy cơ mai một các giá trị nguyên bản và tri thức truyền thống. Đồng thời, sự giảm sút tham gia của thế hệ trẻ đặt ra thách thức đối với việc duy trì nghề dệt. Vì vậy, các giải pháp bảo tồn cần hài hòa giữa gìn giữ bản sắc văn hóa và phát triển kinh tế, xem nghề dệt thổ cẩm là di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch và sinh kế cộng đồng.

Thứ nhất, cần gắn bảo tồn nghề dệt với phát triển du lịch trải nghiệm cộng đồng. Trong bối cảnh nghề dệt ngày càng gắn với hoạt động du lịch và thị trường hàng lưu niệm, việc duy trì các công đoạn dệt truyền thống kết hợp xây dựng sản phẩm trải nghiệm sẽ giúp du khách tiếp cận sâu hơn với văn hóa bản địa, đồng thời tạo nguồn thu từ dịch vụ du lịch và tiêu thụ sản phẩm thổ cẩm. Một số nghiên cứu cho thấy các hoạt động trải nghiệm trực tiếp với nghệ nhân không chỉ nâng cao giá trị cảm nhận của du khách mà còn góp phần tăng giá trị kinh tế của sản phẩm thủ công và khuyến khích cộng đồng tiếp tục duy trì nghề truyền thống (Richards, 2011, tr. 1227-1230). Giải pháp này có tính khả thi nhờ lợi thế du lịch cộng đồng của Mai Châu, nhưng cần sự hỗ trợ về vốn, đào tạo kỹ năng và sự phối hợp giữa chính quyền, doanh nghiệp và người dân.

Thứ hai, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn và thương mại hóa nghề dệt. Trước nguy cơ thất truyền tri thức nghề, việc số hóa quy trình dệt bằng công nghệ VR360 và trí tuệ nhân tạo VEO3 có thể góp phần lưu giữ dữ liệu và tạo ra các sản phẩm trải nghiệm trực tuyến. Kết hợp với nền tảng WebGIS và thương mại điện tử, các dữ liệu số sẽ hỗ trợ quảng bá điểm đến, kết nối du khách với nghệ nhân và mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm thổ cẩm. Các nghiên cứu về chuyển đổi số trong du lịch cũng cho thấy công nghệ thực tế ảo và nền tảng số có thể nâng cao trải nghiệm của du khách, mở rộng khả năng tiếp cận thị trường và tăng cường khả năng chống chịu của điểm đến trước các biến động bên ngoài (OECD, 2020, tr.59-74). Tuy nhiên, giải pháp này đòi hỏi đầu tư về hạ tầng công nghệ và nguồn nhân lực phù hợp.

Thứ ba, cần tăng cường truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ nhằm bảo đảm tính bền vững của công tác bảo tồn. Các lớp học cộng đồng, chương trình giáo dục địa phương và hoạt động trải nghiệm nghề truyền thống cần được đẩy mạnh, đồng thời tạo điều kiện để người trẻ tham gia vào các hoạt động du lịch và kinh doanh sản phẩm thổ cẩm. Khi nghề dệt mang lại cả giá trị kinh tế và ý nghĩa văn hóa, thế hệ trẻ sẽ có động lực tiếp nối và phát huy nghề truyền thống trong bối cảnh hiện đại hóa. UNESCO (2003, tr.2-3) xác định việc truyền dạy liên thế hệ là một trong những nội dung cốt lõi của bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể, bởi di sản chỉ có thể tồn tại khi tiếp tục được cộng đồng thực hành và tái tạo.

4. Kết luận

Kết quả nghiên cứu cho thấy sự phát triển của du lịch cộng đồng đã góp phần thúc đẩy quá trình thương mại hóa sản phẩm thổ cẩm, qua đó mở rộng thị trường tiêu thụ, tạo việc làm và cải thiện thu nhập cho người dân địa phương. Nhờ sự tham gia của du lịch, nghề dệt thổ cẩm không chỉ phục vụ nhu cầu sử dụng trong cộng đồng mà còn trở thành một sản phẩm văn hóa gắn với hoạt động du lịch và sinh kế của người dân.

Tuy nhiên, quá trình thương mại hóa cũng kéo theo những biến đổi đáng kể đối với sản phẩm thổ cẩm truyền thống. Để đáp ứng nhu cầu của thị trường và thị hiếu của khách du lịch, nhiều sản phẩm đã có sự thay đổi về chất liệu, màu sắc, hoa văn cũng như công năng sử dụng. Những biến đổi này giúp sản phẩm dễ tiếp cận hơn với thị trường nhưng đồng thời cũng làm suy giảm một phần tính nguyên bản của thổ cẩm truyền thống.

Kết quả khảo sát tại hai điểm nghiên cứu cho thấy nghề dệt thổ cẩm hiện đang tồn tại trong những điều kiện phát triển khác nhau. Ở Bản Lác, khu vực có hoạt động du lịch phát triển mạnh, sản phẩm thổ cẩm có cơ hội tiêu thụ tốt hơn nhưng cũng phải chịu áp lực thích ứng với nhu cầu của thị trường. Ngược lại, tại Hang Kia, khu vực ít chịu tác động của du lịch, nhiều yếu tố truyền thống của nghề dệt vẫn được duy trì rõ nét hơn, nhưng lại gặp khó khăn về thị trường tiêu thụ và đứng trước nguy cơ đứt gãy truyền nghề trong dài hạn.

Từ những kết quả trên, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm cân bằng giữa mục tiêu bảo tồn văn hóa và thương mại hóa trong bối cảnh du lịch cộng đồng. Cụ thể, cần gắn bảo tồn nghề dệt với phát triển du lịch trải nghiệm cộng đồng. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh ứng dụng công nghệ số trong bảo tồn và thương mại hóa nghề dệt. Đồng thời tăng cường hoạt động truyền dạy nghề cho thế hệ trẻ nhằm duy trì sự tiếp nối nghề truyền thống.

Về hạn chế của nghiên cứu, nghiên cứu này chủ yếu tập trung vào tác động của du lịch và thương mại hóa đến biến đổi nghề dệt, trong khi các yếu tố khác chưa được phân tích sâu. Bên cạnh đó, phạm vi khảo sát chỉ giới hạn tại Bản Lác và Hang Kia với quy mô mẫu nhỏ, nên khả năng khái quát hóa kết quả còn hạn chế. Các nghiên cứu tiếp theo cần mở rộng phạm vi khảo sát và xem xét toàn diện hơn các yếu tố ảnh hưởng đến biến đổi nghề truyền thống.

Ghi chú về tác giả: TS. Hoàng Thị Thúy là giảng viên, PGS.TS. Hoàng Thị Thu Hương là giảng viên cao cấp, Phạm Thu Hiền, Lại Thu Trang, An Khánh Linh là sinh viên và Nguyễn Minh Ánh là học viên cao học tại Khoa Địa lý, Trường Đại học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội. Tác giả 1 xây dựng ý tưởng, phương pháp; tác giả 2, 3, 4, 5 tìm kiếm tư liệu, điều tra xã hội học, phân tích dữ liệu và viết bản thảo. Tác giả 6 xây dựng ý tưởng, giám sát, phân biện và chỉnh sửa bản thảo.

Tuyên bố về xung đột lợi ích: Các tác giả tuyên bố không có xung đột lợi ích.

Lời cảm ơn: Nghiên cứu này được tài trợ bởi nhiệm vụ khoa học mã số QG.25.192 của Đại học Quốc gia Hà Nội.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Bruner, E. M. (1994). Abraham Lincoln as Authentic Reproduction: A Critique of Postmodernism. *American Anthropologist*, 96(2), 397-415. <https://doi.org/10.1525/aa.1994.96.2.02a00070>
- Cohen, E. (1988). Authenticity and commoditization in tourism. *Annals of Tourism Research*, 15(3), 371-386. [https://doi.org/10.1016/0160-7383\(88\)90028-X](https://doi.org/10.1016/0160-7383(88)90028-X)
- Dao, K. T., Nguyen, D. D., Van Nguyen, D., Nguyen, D. N., & Pham, H. T. L. (2025). Survey data on perceived sustainability and revisit intention of tourists to community-based tourism. *Data in Brief*, 61, 111773. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.dib.2025.111773>
- Garcia, P. (2017). Weaving for tourists in Chinchero, Peru. *Journal of Material Culture*, 23(1), 3-19. <https://doi.org/10.1177/1359183517725098>
- Graburn, N. H. H. (1976). *Ethnic and Tourist Arts: Cultural Expressions from the Fourth World*. University of California Press. <https://doi.org/10.2307/jj.13167979>
- Green, S. B. (1991). How Many Subjects Does It Take To Do A Regression Analysis. *Multivariate Behav Res*, 26(3), 499-510. https://doi.org/10.1207/s15327906mbr2603_7
- Greenwood, D. (1989). Culture by the Pound: An Anthropological Perspective on Tourism as Cultural Commoditization. In S. B. Gmelch (Ed.), *Tourists and Tourism: A reader* (pp. 157-169). Waveland Press. https://www.researchgate.net/publication/245823470_

Culture_by_the_Pound_An_Anthropological_Perspective_on_Tourism_as_Cultural_Commoditization

- Guest, G., Bunce, A., & Johnson, L. (2006). How Many Interviews Are Enough? An Experiment with Data Saturation and Variability. *Field Methods*, 18, 59-82. <https://doi.org/10.1177/1525822X05279903>
- Hoa, N., Thuong, N., & Duy, N. (2023). The symbol “lanh” in Hmong ethnic minority group’s spiritual culture on Dong Van karst plateau, Ha Giang province, Vietnam. *European Journal of Literature, Language and Linguistics Studies*, 6(3), 1-11. <https://doi.org/10.46827/ejll.v6i3.400>
- Joseph, F. H. J., William, C. B., Barry, J. B., & Rolph, E. A. (2013). *Multivariate Data Analysis*. Pearson Education Limited. <https://books.google.com.vn/books?id=VvXZnQEACAAJ>
- Khuc, V. Q., Doan, N. D., & Hoang, N. K. S. (2026). Fostering Sustainable Tourism Associated with Satisfaction and Financial Improvement Using a Novel CPBM Approach: A Case Study of Lac Village, Vietnam. *Tourism and Hospitality*, 7(1), 1. <https://www.mdpi.com/2673-5768/7/1/1>
- MacCannell, D. (1973). Staged Authenticity: Arrangements of Social Space in Tourist Settings. *American Journal of Sociology*, 79(3), 589-603. <http://www.jstor.org/stable/2776259>
- Ngô, T. H. Y., & Hoàng, T. T. H. (2022). Đánh giá tổng hợp tiềm năng phát triển du lịch theo không gian tại khu vực hồ Hòa Bình, tỉnh Hòa Bình. *Tạp chí khoa học Trường Đại học Sư phạm Hà Nội: Khoa học xã hội*, 67(2), 70–81. <https://doi.org/10.18173/2354-1067.2022-0023>
- Nguyễn, H. T. (2012). *Di sản văn hóa phi vật thể của người Thái ở Mai Châu*. NXB Lao động.
- Nguyễn, T. H. V. (2020). *Phát triển du lịch dựa vào cộng đồng gắn với bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa tộc người khu vực hồ Hòa Bình* [Luận án tiến sĩ, Viện Việt Nam học và Khoa học Phát triển].
- Nguyễn, T. S. H. (2023). Biến đổi trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số ở Việt Nam và công tác bảo tồn, phát huy trong đời sống hiện nay. *Khoa học xã hội Việt Nam*, 7(187), 103-110. [https://doi.org/10.56794/KHXHVN.7\(187\).103-110](https://doi.org/10.56794/KHXHVN.7(187).103-110)
- OECD. (2020). *OECD Tourism Trends and Policies 2020*. OECD Publishing. <https://doi.org/10.1787/6b47b985-en>
- Richards, G. (2011). Creativity and tourism: The State of the Art. *Annals of Tourism Research*, 38(4), 1225-1253. <https://doi.org/https://doi.org/10.1016/j.annals.2011.07.008>
- Salvador Almela, M., & Abellan Calvet, N. (2020). The Mayan weavers of Guatemala: an active process for the safeguarding of their cultural intangible heritage. *Tourism and Heritage Journal*, 2, 94-109. <https://doi.org/10.1344/THJ.2020.2.7>
- Son, T. H. (1996). *Văn hóa H'Mông*. NXB Văn hóa Dân tộc, Hà Nội.
- Tran, H. T. B., & Nguyen, H. Q. T. (2026). Prioritising circular economy pathways for sustainable community-based tourism in Vietnam’s Northern Highlands. *Discover Sustainability*, 7(1), 918. <https://doi.org/10.1007/s43621-026-03292-9>
- Trung tâm Thông tin du lịch huyện Mai Châu. (2024). *Du lịch cộng đồng Mai Châu - Những điểm đến hấp dẫn cho du khách* <https://vietnamtourism.gov.vn/post/60363>
- UNESCO. (2003). *Convention for the Safeguarding of the Intangible Cultural Heritage*. Retrieved 16/6 from https://www.unesco.org/en/intangible-cultural-heritage?hub=66210&utm_source